

ĐẠI HỌC VINH
KHOA SƯ PHẠM NGŨ VĂN

GIÁO TRÌNH
NGŨ ÂM TIẾNG VIỆT

(Dành cho sinh viên các ngành chuyên ngữ)

Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ NGỮ ÂM

Bài 1. NGỮ ÂM VÀ NGỮ ÂM HỌC

Phân phối thời gian

1. *Học trên lớp*: lý thuyết: 3 tiết; thảo luận, bài tập: 2 tiết
2. *Tự học*: 7 tiết.

1. Âm thanh ngôn ngữ (phonetic)

1.1. Âm thanh và âm thanh ngôn ngữ

Xét về mặt âm học, âm thanh của ngôn ngữ cũng giống như tất cả các âm thanh khác trong tự nhiên, vốn là những sự chấn động của các phần tử không khí bắt nguồn từ sự chấn động của một vật thể đàn hồi nào đấy hoặc từ sự chấn động của luồng không khí chứa đựng trong một cái khoang rỗng. Nhưng khác với các âm thanh khác, âm thanh ngôn ngữ chỉ có thể là những sự chấn động mà bộ máy thính giác của con người có thể cảm thụ được.

Cơ chế cấu tạo của một âm thanh có thể phát ra từ một vật thể rắn (tương đối đơn giản), có thể được hình thành trong các thứ ống như ống sáo, ống có lưỡi gà (phức tạp hơn). Bộ máy phát ra âm thanh của con người cũng là một thứ ống như các thứ ống có lưỡi gà. Còn việc truyền âm thanh qua môi trường không khí được thực hiện nhờ hiện tượng dồn ép và phân tán của không khí, tức là do sự thay đổi áp lực phát sinh từ những sự chấn động của vật thể phát âm. Sự dồn ép và sự phân tán tiếp theo sau làm thành một làn sóng âm và chuyển từ lớp không khí gần nhất đến các lớp không khí xa hơn trong một không gian lệ thuộc trước hết vào cường độ của âm thanh và sau nữa, lệ thuộc vào nhiệt độ và độ ẩm của không khí, chiều gió, v.v..

Ngôn ngữ là một hệ thống âm thanh đặc biệt, là phương tiện giao tiếp cơ bản và quan trọng nhất của các thành viên trong một cộng đồng người; ngôn ngữ đồng thời cũng là phương tiện phát triển tư duy, truyền đạt truyền thống văn hóa - lịch sử từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cái ngôn ngữ dùng để giao tiếp và truyền đạt tư tưởng ấy, ngay từ đầu đã là ngôn ngữ thành tiếng, ngôn ngữ âm thanh. Các nhà khoa học gọi mặt âm thanh của ngôn ngữ là ngữ âm. Mặt âm thanh làm nên tính chất hiện thực của ngôn ngữ, nhờ có nó ngôn ngữ mới được xác lập, tồn tại và phát triển, mới có thể được lưu giữ và truyền đạt từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhờ có cái vỏ vật chất là âm thanh nên trẻ em mới hấp thụ được ngôn ngữ. Cái gọi là quá trình *học nói* ở trẻ em là sự nhấn mạnh một cách chính đáng tính chất âm thanh của ngôn ngữ.

Mặt âm thanh là một thuộc tính không thể tách rời của tất cả các sinh ngữ hiện đang tồn tại. Trước đây, một số nhà ngôn ngữ học đã từng cho rằng âm thanh là một thuộc tính không quan trọng của ngôn ngữ; ngôn ngữ có thể tồn tại dưới bất kì hình thức nào cũng được. N.Y.Marr khẳng định, trước khi có ngôn ngữ bằng âm thanh đã có một ngôn ngữ bằng tay, ngôn ngữ bằng động tác. Ngay cả F.de Saussure cũng cho rằng: *Ngôn ngữ là một sự ước định và bản chất phù hiệu ước định thì thế nào cũng được. Cho nên vấn đề bộ máy phát âm là một vấn đề thứ yếu trong các vấn đề ngôn ngữ* [7,35]. Quan điểm của F.de Saussure được các nhà kết cấu luận hiện đại tán đồng; họ cho rằng ngôn ngữ không hề có một cơ sở vật chất nào hết, rằng trong ngôn ngữ chỉ có những sự khu biệt mà thôi. Nhưng ở một chỗ khác, trong *Giáo trình*, F.de Saussure tự mâu thuẫn trong quan điểm của mình khi ông viết: *Thiên nhiên gàn như buộc ta phải dùng đến cái khí quan đó* [7,32].

Lí luận của chủ nghĩa Mác khẳng định sự phát sinh của ngôn ngữ phụ thuộc vào sự phát triển của bộ máy phát âm của người nguyên thủy; nguồn gốc của ngôn ngữ gắn liền với sự phát triển của khả năng cấu tạo những âm thanh tách bạch ở con người. Luận điểm này được chứng tỏ bằng học thuyết về hệ thống tín hiệu thứ hai

của I.P.Pavlov: *Nếu các cảm giác và hiện tượng của chúng ta về thế giới ở xung quanh đối với ta là hệ thống tín hiệu thứ nhất của hiện thực, những tín hiệu cụ thể, là lời nói, đặc biệt trước hết là những sự kích thích động học từ các khí quan phát âm đi vào vỏ não, là những tín hiệu thứ hai, tín hiệu của những tín hiệu* /Pavlov, dẫn theo Zinder, [10]/. Như vậy, về mặt sinh lí học, những sự kích thích động học đi từ các khí quan phát âm là những sự kích thích phát sinh do những vị trí khác nhau của các khí quan này. Chính sự chuyển động của các khí quan phát âm khi cấu tạo các âm thanh là điều kiện thiết yếu để cho ngôn ngữ được xác lập, tồn tại và phát triển. Do đó, không thể có một ngôn ngữ nào đó mà không dùng âm thanh, không lấy âm thanh làm hình thức thể hiện. Những điều trình bày trên đây khẳng định rằng âm thanh ngôn ngữ là do khí quan của con người phát ra trong quá trình giao tiếp và truyền đạt tư tưởng. Cố nhiên, không phải bất kì âm thanh nào do con người phát ra đều là âm thanh ngôn ngữ. Âm thanh ngôn ngữ khác với tiếng ho, tiếng rên, tiếng nấc, v.v.. Những âm thanh này được phát ra do nhu cầu sinh lí, nghĩa là không có giá trị biểu đạt, không phải là phương tiện biểu đạt của ngôn ngữ. Như vậy, âm thanh ngôn ngữ (còn gọi là ngữ âm) là toàn bộ các âm, các thanh, các kết hợp âm thanh và ngôn điệu mang những ý nghĩa nhất định, tạo thành cấu trúc ngữ âm của một ngôn ngữ. Các âm thanh và ngôn điệu kết hợp với nhau theo những quy tắc, quy luật nhất định. Hình thức biểu đạt bằng âm thanh của các từ trong ngôn ngữ không chỉ là âm thanh vật chất đơn thuần. Khi ta đọc thầm, nhắm và suy nghĩ thì hình thức âm thanh của các từ và câu vẫn xuất hiện nhưng ở dạng ấn tượng âm thanh hay còn gọi là hình ảnh âm thanh. Như vậy, khi có người nói, người nghe ta có âm thanh cụ thể, thực tế. Còn khi đọc thầm, nhắm và suy nghĩ thì âm thanh tồn tại trong tiềm thức. Mặt khác, âm thanh ngôn ngữ, đặc biệt là các âm tố lời nói dường như tách riêng ra khỏi từ, được trừu tượng hoá, bởi lẽ, một âm tố nào đó không chỉ xuất hiện trong một từ mà có thể xuất hiện trong nhiều từ khác nhau của một ngôn ngữ. Nó xuất hiện trong từ này, cũng có thể xuất hiện

trong nhiều từ khác. Mấy vụn từ làm thành từ vựng của một ngôn ngữ, về mặt âm thanh vốn là những kết hợp khác nhau của mấy chục âm tổ lời nói (âm vị) mà thôi. Các âm thanh trong một ngôn ngữ có quan hệ đồng nhất và đối lập với nhau về mặt giá trị và lập thành hệ thống. Đó là hệ thống ngữ âm của một ngôn ngữ nhất định. Bởi vậy, về một phương diện nào đó, mặt âm thanh của ngôn ngữ có thể tách riêng ra, nhờ đó, nó trở thành đối tượng nghiên cứu của một ngành học riêng trong ngôn ngữ học: ngữ âm học (Phonetics).

1.2. Vai trò của âm thanh ngôn ngữ

Âm thanh tự nó không tạo nên ngôn ngữ nhưng là chất liệu tất yếu của ngôn ngữ, làm nên tính hiện thực của ngôn ngữ. Về mặt lí thuyết, tất cả các giác quan của con người đều có thể dùng để thu phát tin. Nhưng thính giác có những ưu thế riêng, có thể khắc phục các hạn chế của các giác quan khác. Và thế là, bộ máy phát âm của con người được lựa chọn để tạo ra âm thanh ngôn ngữ. Âm thanh ngôn ngữ có ưu thế là có tính phân tiết cao, nghĩa là người ta có thể kết hợp một số lượng hữu hạn các yếu tố để mã hoá một khối lượng vô hạn các thông tin. Mặt khác, âm thanh do bộ máy phát âm của con người tạo ra nên hết sức tiện lợi, không gây cản trở gì hết, luôn luôn đi theo người sử dụng, khi cần là sử dụng được ngay. Người nói có thể đồng thời dùng tai để kiểm tra âm thanh phát ra và dùng mắt để theo dõi phản ứng của người nghe; nhờ vậy, hoạt động giao tiếp diễn ra dễ dàng, thông suốt trong mọi trường hợp. Với những lí do trên, có thể khẳng định rằng, âm thanh ngôn ngữ là hình thức biểu đạt tất yếu của ngôn ngữ, là cái vỏ vật chất tiện lợi nhất của ngôn ngữ. Dĩ nhiên, âm thanh ngôn ngữ chỉ là hình thức tồn tại tất yếu của các từ và các phương tiện ngữ pháp. Do đó, về một phương diện nào đó, nếu coi ngôn ngữ bao gồm hai mặt: mặt biểu hiện và mặt được biểu hiện thì cũng có thể coi ngữ âm là mặt biểu hiện còn từ vựng và ngữ pháp là mặt được biểu hiện của ngôn ngữ. Bởi vậy, nghiên cứu ngữ âm là công việc đầu tiên và tất yếu đối với việc nghiên cứu bất cứ ngôn ngữ nào.

Trong nhà trường, những tri thức về ngữ âm là chỗ dựa để dạy học có hiệu quả các phân môn của tiếng Việt như dạy phát âm theo đúng âm tiêu chuẩn, vấn đề chữ viết và chính tả, cách đọc diễn cảm, v.v.. Những hiểu biết về ngữ âm giúp ta biết cách phân tích giá trị biểu cảm, tính thẩm mỹ của các phương tiện ngữ âm trong tác phẩm văn chương, đặc biệt trong thơ.

2. Cơ sở của ngữ âm

Âm thanh ngôn ngữ được xác lập từ cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội.

2.1. Cơ sở tự nhiên

Âm thanh ngôn ngữ có thể tiến hành nghiên cứu về bản chất âm học (cảm thụ - vật lý) và những phương thức cấu âm (nguồn gốc - sinh lý), tức là cơ sở tự nhiên. Hai hướng nghiên cứu này tuy có một tính chất độc lập nhất định nhưng không loại trừ nhau, bởi lẽ, một đặc trưng âm học nào đó chính là kết quả của một phương thức cấu âm nhất định. Cơ sở tự nhiên của ngữ âm gồm mặt vật lý và mặt sinh lý.

2.1.1. Mặt vật lý (cảm thụ - âm học)

Cũng như các âm thanh khác trong tự nhiên, âm thanh ngôn ngữ được tạo thành do sự chấn động của dây thanh và sự hoạt động của các khí quan khác thuộc bộ máy phát âm của con người. Còn nữa, âm thanh ngôn ngữ chỉ là những chấn động tạo sóng âm mà bộ máy thính giác của con người có thể cảm thụ được. Do đó, người ta có thể miêu tả âm thanh của ngôn ngữ bằng những đặc trưng âm học như độ cao, độ mạnh, độ dài, âm sắc, v.v..

- Độ cao (pitch: cao độ)

Độ cao là độ cao / thấp của các đơn vị âm thanh. Độ cao của âm thanh tùy thuộc vào sự chấn động nhanh hay chậm của các phân tử không khí trong một đơn vị thời gian. Hay nói cách khác, độ cao được xác định bằng tần số dao động của các sóng âm. Tần số dao động của sóng âm được xác lập từ đặc trưng của vật liệu cấu tạo nên vật thể về các mặt: 1/ Trọng lượng của vật thể (nó tỉ lệ nghịch với trọng lượng của vật thể; vật thể nặng thường dao động chậm hơn vật thể nhẹ); 2/ Mức độ đàn

hồi của chất liệu cấu tạo nên vật thể (nó tỉ lệ thuận với mức độ đàn hồi của vật thể, nghĩa là, khả năng đàn hồi của vật thể càng yếu thì số lượng dao động của vật thể đó trong một đơn vị thời gian nhất định càng ít nên âm thanh phát ra càng thấp, ngược lại, sức đàn hồi càng mạnh thì số chấn động càng nhiều, âm thanh phát ra càng cao); 3/ Âm lượng (độ vang) phát ra do tác động giữa vật thể với môi trường (tức là hiện tượng cộng hưởng); 4/ Hình dáng, kích cỡ của vật thể (vật thể có kích cỡ lớn thì âm lượng của nó càng nhỏ và được truyền chậm hơn so với vật thể bé hơn). Tần số dao động càng lớn (nghĩa là càng nhanh, càng nhiều) thì âm càng cao và ngược lại. Đơn vị đo độ cao là hertz, viết tắt là Hz (Hz là đơn vị đo tần số, bằng một lần dao động đôi trong một giây. Dao động đôi gồm những động tác ngả về cả hai phía hai bên điểm trung hoà rồi trở về điểm đó). Tai người có thể phân biệt độ cao từ 16 đến 20.000 Hz. Chẳng hạn, trong tiếng Việt, các nguyên âm [i] (i/y), [u] (u), [ɯ] (ư) có độ cao cao hơn các nguyên âm [e] (ê), [o] (ô), [a] (a).

- Độ mạnh (intensitu: cường độ)

Độ mạnh là độ mạnh / yếu của các đơn vị âm thanh, tùy thuộc vào năng lượng được phát ra. Hay nói cách khác, độ mạnh phụ thuộc vào biên độ dao động của các sóng âm trong không gian (tức khoảng cách từ điểm cao nhất và điểm thấp nhất của sóng âm). Biên độ (độ lan toả) càng lớn thì âm càng mạnh (to) và ngược lại. Đồng thời, độ mạnh cũng lệ thuộc vào những điều kiện khí tượng: đại lượng của áp lực không khí, độ ẩm và nhiệt độ của không khí. Trong những điều kiện bình thường, độ mạnh của âm thanh tỉ lệ thuận với bình phương biên độ (chẳng hạn, một sợi dây đàn, nếu biên độ chấn động của dây càng rộng thì độ mạnh âm thanh từ dây phát ra càng lớn). Độ mạnh của âm thanh còn lệ thuộc vào diện tích của vật thể phát ra âm thanh (diện tích càng rộng thì âm thanh càng mạnh, tuy cùng một biên độ chấn động như cũ). Đơn vị đo độ mạnh là decibel, viết tắt dB. Trong các ngôn ngữ, phụ âm phát ra bao giờ cũng mạnh hơn nguyên âm. Đối với ngôn ngữ, độ mạnh âm thanh có một ý nghĩa khá quan trọng. Trước hết, nó đảm bảo sự minh

xác trong việc truyền đạt và tiếp thu lời nói, đó là điều có tính chất quyết định đối với ngôn ngữ với tư cách là phương tiện giao tiếp. Thêm nữa, độ mạnh của âm thanh là cơ sở để tạo nên các loại trọng âm khác nhau.

- Độ dài (quantity: trường độ)

Độ dài là độ dài / ngắn của các đơn vị âm thanh. Độ dài của âm thanh do thời gian chấn động của các phần tử không khí phát ra lâu hay mau quyết định. Độ dài của âm thanh tạo nên sự tương phản giữa các bộ phận của lời nói. Nó còn là yếu tố tạo nên trọng âm, tạo nên sự đối lập giữa nguyên âm này với nguyên âm khác trong một số ngôn ngữ. Chẳng hạn, trong tiếng Việt, [a] (a) trong *cao* dài hơn [ă] (a) trong *cau*, [ɔ] (o) trong *com* dài hơn [ɐ] (â) trong *câm*.

- Âm sắc (timbre)

Âm sắc là vẻ riêng của các đơn vị âm thanh. Âm sắc được xác định bởi ba yếu tố: vật thể phát âm, phương pháp phát âm và hộp cộng hưởng. Vật thể phát âm khác nhau ta có các âm khác nhau. Chẳng hạn: đàn ghi ta và đàn đá, dây đàn bằng tơ và bằng thép, v.v.. Phương pháp phát âm làm cho vật thể chấn động khác nhau nên âm phát ra cũng khác nhau. Chẳng hạn, dùng phím nhựa gảy (gảy ghi ta) và dùng dây cung kéo trên dây (kéo nhị). Tính chất phức hợp của âm thanh còn do hiện tượng cộng minh gây nên. Trong sự hình thành của một âm sắc, đóng vai trò quyết định là hiện tượng cộng minh. Hiện tượng cộng minh là khi vật chấn động sẽ có khả năng hấp thụ sự chấn động của các khoảng rỗng, tức là các hộp cộng hưởng (các khoảng rỗng này tự nó vốn không phát ra âm thanh mà chỉ vang lên do hiện tượng cộng minh), nhờ vậy, chính các hộp cộng hưởng cũng góp phần tạo nên âm thanh. Bầu đàn (ghi ta), ống sáo, thanh hầu, khoang miệng, khoang mũi đều là những hộp cộng hưởng để xác định âm sắc. Trong ngôn ngữ, sắc thái đặc thù của mỗi âm thanh được tạo nên bởi các hộp cộng hưởng mũi, miệng, thanh hầu. Chẳng hạn, các nguyên âm có tiếng thanh, còn các phụ âm thường có nhiều tiếng ồn

(tiếng động). Sự khác nhau về âm sắc chính là cơ sở của sự khác nhau giữa các nguyên âm.

2.1.2. Mặt sinh lí (nguồn gốc - cấu âm)

Âm thanh ngôn ngữ do bộ máy phát âm của con người cùng với hoạt động của nó tạo nên. Bộ máy phát âm là những bộ phận của cơ thể được dùng với chức năng thứ hai là tạo ra các âm của ngôn ngữ. Bộ máy phát âm gồm có cơ quan hô hấp, thanh hầu và các khoang (khoang mũi, khoang miệng, khoang yết hầu)

- Cơ quan hô hấp (initiator)

Cơ quan hô hấp không trực tiếp tham gia vào việc cấu tạo âm thanh mà chỉ cung cấp vật liệu không khí, tức là cái khởi phát luồng hơi. Muốn tạo ra một âm, trước hết phải có luồng hơi. Trong phần lớn các ngôn ngữ, luồng hơi được tạo ra từ cơ quan hô hấp (Luồng hơi cũng có thể được tạo ra từ nguồn và hướng khác. Chẳng hạn, tiếng Sindhi - một ngôn ngữ ở Ấn Độ và Pakistan đã dùng hơi từ họng đẩy thanh quản xuống làm cho luồng hơi bị hút vào miệng và như thế các âm khép được tạo ra). Cơ quan hô hấp gồm có phổi, hai lá phổi và khí quản. Phổi là bộ phận gồm vô số những cái bong hơi rất nhỏ, xung quanh có một màng lưới ti vi huyết quản. Hai lá phổi hợp nhau lại ở gốc khí quản. Lá phổi có một bộ cơ nhả cho phép nó co bóp. Khí quản là một cái ống do những miếng xương sụn hình bán nguyệt áp sát vào nhau mà thành. Hai lá phổi là nơi chứa nguồn năng lượng không khí (hơi) cần thiết cho sự phát âm. Cơ sở tạo nên âm thanh là luồng không khí từ phổi đi ra, cùng với sự điều khiển của thần kinh làm dây thanh rung động (mở ra khép vào), tiếp đó, cọ xát vào các bộ phận phát âm ở khoang miệng và khoang mũi tạo nên những âm thanh.

- Thanh hầu (larynx)

Thanh hầu là một ống rỗng giống như chiếc hộp gồm bốn mảnh sụn ghép lại. Đó là cơ quan phát ra âm thanh. Thực chất, thanh hầu có một cơ cấu rất phức tạp. Sườn của nó gồm một loạt xương sụn (cartilage) nối liền với nhau bằng những cơ

thịt và gân. Phía dưới thanh hầu có xương sụn hình nhẫn (cricoid) gắn vào khâu trên của khí quản cả bốn phía. Phía trên xương sụn hình nhẫn là xương sụn hình giáp (thyroid), gồm có hai mảnh hình tứ giác không đều gắn chặt với nhau ở phía trước làm thành một góc 90^0 ở đàn ông và 120^0 ở đàn bà. Ở đàn ông, phần trên của góc này lồi ra thành *quả táo Adam* (cuống họng). Phía sau mỗi mảnh xương sụn nói trên có hai khúc lồi lên và lồi xuống gọi là sừng (horns). Hai sừng trên (vốn dài hơn) có những sợi gân nối liền với xương dưới lưỡi; hai sừng dưới (ngắn hơn) ăn khớp với phần dưới của mặt nhẫn xương sụn hình nhẫn. Ngoài ra, toàn bộ rìa trên của xương sụn hình giáp có một cái màng nối liền với xương gốc lưỡi, còn toàn bộ rìa dưới cũng có một cái màng như thế nối liền với xương sụn hình nhẫn. Nhờ đó, khí quản cùng với thanh hầu làm thành một cái ống phần trên rộng ra. Sự cử động của toàn bộ thanh hầu, cũng như sự tiếp xúc giữa phần trước của xương sụn hình giáp và xương sụn hình nhẫn là do hệ thống cơ thịt bên ngoài của thanh hầu bảo đảm. Giữa thanh hầu có hai tổ chức cơ (hai màng mỏng) nằm song đôi có thể rung động, mở ra hay khép vào. Khi luồng hơi đi ra làm cho hai tổ chức cơ này rung động, mở ra hay khép vào, căng lên hay chùng xuống tùy thuộc vào âm được phát ra, đó là dây thanh. Luồng hơi từ phổi đi ra tạo những rung động ở dây thanh tạo nên âm thanh. Âm thanh này nhận thêm sự cộng hưởng của thanh hầu làm cho âm thanh được thể hiện to hơn. Như vậy, thanh hầu là hộp cộng hưởng đầu tiên của bộ máy phát âm.

Dây thanh (vocal cords), thực tế là hai nếp gấp của một cái màng cố định ở phía trước nhưng có thể chuyển động ngang ở phía sau. Khoảng cách giữa hai dây thanh do thanh môn (glottis) quy định. Khi dây thanh bị đóng kín đến mức luồng hơi từ phổi ra bị chặn lại và áp suất của luồng hơi phía sau được tạo ra, hiện tượng này được gọi là tắc họng. Các âm không thể nghe thấy nhưng nó có hiệu quả đối với các ngữ đoạn xung quanh. Trong một số ngôn ngữ, tắc họng là phương thức tạo nên một số âm trong hệ thống âm. Khi dây thanh khép lại đến mức có một khe hở